

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 108/2007/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu
áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt nam;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương tại Công văn số 1233/BCT-XNK ngày 19/9/2007 về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí được quy định cụ thể tại Biểu mức thu lệ phí là các thương nhân nước ngoài (được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc được pháp luật nước ngoài công nhận) không có hiện diện tại Việt Nam thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về nội dung này, khi đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại Điều 3 của Quyết định này cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan thu lệ phí là Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Công Thương ủy quyền thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và thu lệ phí (gọi chung là cơ quan thu lệ phí).

Điều 4. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được quản lý, sử dụng như sau: Cơ quan thu lệ phí được để lại 100% (một trăm phần trăm) số tiền thu lệ phí để bù đắp một phần chi phí cho công tác tổ chức thu lệ phí, theo các nội dung như sau:

1. Chi phí chi trả tiền công thuê chuyên gia tại Việt Nam và nước ngoài thẩm định, xác minh nhân thân và các thông tin khác liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; chi tiền công dịch vụ thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thủ tục đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam ở trong nước và nước ngoài;

2. Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu lệ phí gồm: Chi mua văn phòng phẩm, in ấn Giấy chứng nhận đăng ký quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, chi trả tiền cước điện thoại, điện tín, thư từ giao dịch;

3. Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện công việc thu lệ phí.

Điều 5.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng

dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, bổ sung. / *km*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Toà án nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST3).



Trương Chí Trung

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ
cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân
nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam



*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC
ngày 26/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Stt	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
1	Cấp mới Giấy chứng nhận	triệu đồng/giấy	6
2	Cấp lại Giấy chứng nhận	triệu đồng/giấy	3
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận	triệu đồng/giấy	3
4	Gia hạn Giấy chứng nhận	triệu đồng/giấy	3

leav